

Số: *37* /2022/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày *28* tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định nội dung chi và mức chi  
Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;*

*Căn cứ Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường quy định về kỹ thuật quan trắc và cung cấp thông tin dữ liệu khí tượng thủy văn đối với trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng;*



*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 190/TTr-SNN ngày 10 tháng 11 năm 2022.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về nội dung chi và mức chi, nguyên tắc chi hỗ trợ và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Yên Bái.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

### **Điều 2. Nguyên tắc chi hỗ trợ**

1. Thực hiện hỗ trợ cho các đơn vị, địa phương đã chủ động thực hiện các hoạt động cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai; hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai; hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa thiên tai nhưng vượt quá khả năng cân đối kinh phí, ngân sách của đơn vị, địa phương.

2. Chỉ thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng chưa được hỗ trợ theo các quy định hiện hành khác của Nhà nước. Trong trường hợp có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ cùng một nội dung, đối tượng đó chỉ được nhận hỗ trợ một chính sách phù hợp nhất.

### **Điều 3. Nội dung chi và mức chi**

Nội dung chi và mức chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai tại phụ lục kèm theo quyết định này.

### **Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn trình tự, hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán các nội dung chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh theo đúng quy định.

b) Báo cáo kết quả thu, chi Quỹ với cơ quan quản lý Quỹ trung ương theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra thường xuyên và đột xuất việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và quản lý sử dụng Quỹ tại các địa phương, đơn vị theo đúng quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị: Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh theo đúng quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

## **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2023.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Yên Bái; Cục Trưởng Cục thuế tỉnh; Giám đốc Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh; Chánh Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai (báo cáo);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư Pháp (Tự kiểm tra văn bản);
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT, NLN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Huy Tuấn**



**Phụ lục**

**NỘI DUNG CHI, MỨC CHI QUỸ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TỈNH YÊN BÁI**

(Kèm theo Quyết định số **37** /2022/QĐ-UBND ngày **28/12** năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

DVT: Đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai</b>		
1	Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm	đồng/người /lần	Tối đa không quá 50.000 đồng
2	Chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán tập trung	người/ngày	Theo tình hình thực tế tại địa phương, tối đa không quá 05ngày/đợt và không quá 50.000 đồng
3	Chi cho lực lượng tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai, lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước		
3.1	Thời gian huy động từ 06 giờ sáng đến 22 giờ đêm	đồng/người /ngày	Tối đa không quá 150.000 đồng
3.2	Thời gian huy động từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 6 giờ sáng hôm sau	đồng/người /ngày	Tối đa không quá 300.000 đồng
<b>II</b>	<b>Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai</b>		
1	Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai	xã	Theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp tối đa không quá 10.000.000 đồng

2	Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cần thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai gây ra	người/đợt	Theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, tối đa không quá 200.000 đồng
3	Hỗ trợ tu sửa các công trình bị thiệt hại do thiên tai: Cơ sở y tế: Trường học; Tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; Hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ, đường sắt quan trọng trên địa bàn bị sạt trượt, sạt lở; hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai.	công trình	Theo dự toán kinh phí hàng năm được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ nhưng không quá 3.000.000.000 đồng
<b>III</b>	<b>Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa thiên tai</b>		
1	Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai		
1.1	Tuyên truyền trên các kênh phương tiện thông tin đại chúng	hàng năm	Tối đa không quá 50.000.000 đồng/năm
1.2	Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng	lớp	Tối đa không quá 10.000.000 đồng/lớp
2	Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai giai đoạn; rà soát điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm	lần	Theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 250.000.000 đồng đối với cấp tỉnh, 180.000.000 đồng đối với cấp huyện
3	Hỗ trợ diễn tập phòng chống thiên tai ở cấp tỉnh	đợt/năm	Theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 400.000.000 đồng/đợt/năm



4	Hỗ trợ diễn tập phòng chống thiên tai ở cấp huyện.	đợt/năm	Theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 100.000.000 đồng/huyện/đợt/năm
5	Hỗ trợ diễn tập phòng chống thiên tai ở cấp xã.	đợt/năm	Theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tối đa không quá 20.000.000 đồng/xã/đợt/năm
6	Chi cho hoạt động của lực lượng quản lý đê, kè nhân dân.	người/tháng	Tối đa không quá 750.000 đồng/người/tháng
7	Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng	đồng	Theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
8	Mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định	đồng	Quy định tại Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03/6/2021 của Chính phủ ban hành Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai. Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao
9	Hỗ trợ quan trắc, thông tin, thông báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng		
9.1	Thuê bao dịch vụ trạm đo mưa chuyên dùng (đo mưa tự động)	trạm	Theo dự toán hàng năm được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
9.2	Thuê bao dịch vụ trạm đo mưa chuyên dùng	trạm	Theo dự toán hàng năm được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
9.3	Thuê bao dịch vụ trạm đo mực nước lũ	trạm	Theo dự toán hàng năm được các cơ quan có thẩm

			quyền phê duyệt.
9.4	Kiểm định trạm đo mưa tự động; trạm đo mưa chuyên dùng; trạm đo mực nước lũ tự động.	trạm	Theo dự toán hàng năm được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
9.5	Công trình quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng khác	công trình	Theo dự toán hàng năm được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
<b>IV</b>	<b>Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh</b>		Bằng 3% tổng số thu của Quỹ cấp tỉnh.
<b>V</b>	<b>Hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu, các chi phí hành chính phát sinh và chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai liên quan đến công tác thu Quỹ tại cấp xã, huyện.</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với cấp xã giữ lại bằng 28% số thu trên địa bàn (<i>Chi tiết theo Điểm a Khoản 2 Điều 16 Nghị định 78/2021/NĐ-CP</i>).</li> <li>- Đối với cấp huyện giữ lại bằng 23% số thu trên địa bàn (bao gồm cả số thu của cấp xã) (<i>Chi tiết theo Điểm b Khoản 2 Điều 16 Nghị định 78/2021/NĐ-CP</i>).</li> </ul>

